

NGHỆ NHÂN HÁT - KỂ SỬ THI CHUYÊN NGHIỆP HAY KHÔNG CHUYÊN NGHIỆP?

Nguyễn Việt Hùng

Nhận bài:

15 – 04 – 2020

Chấp nhận đăng:

10 – 09 – 2020

<http://jshe.ued.udn.vn/>

Tóm tắt: Hô-me với những sáng tạo *I-li-át*, *Ô-đi-xê* đã có lịch sử hàng nghìn năm nhưng vấn đề Hô-me vẫn không bao giờ cũ kĩ với các thế hệ nhà nghiên cứu. Hô-me là nhà văn chuyên nghiệp hay nghệ sĩ dân gian? sáng tác sử thi của ông thuộc loại hình văn học viết hay truyền khẩu? câu thơ Hô-me là sáng tác tập thể hay của cá nhân nhà văn... vẫn là những câu hỏi còn bỏ ngỏ. Chúng tôi đề cập đến Hô-me trong vai trò nghệ nhân, tác giả sưu tầm, biên soạn sử thi Hi Lạp để liên hệ với loại hình nghệ nhân sử thi ở Việt Nam. Việc tìm hiểu những nghệ nhân hát - kể sử thi dưới nhiều góc độ: xã hội - nghề nghiệp (*chuyên nghiệp* hay *nghệ nghiệp*); dưới góc độ phương thức sáng tạo nghệ thuật (*dân gian* hay *bác học*?); dưới góc độ quan hệ diễn xướng - bối cảnh (*ngghi lễ* hay *không nghi lễ*)... sẽ làm sáng tỏ những đặc điểm của nghệ nhân hát kể sử thi và bản chất của quá trình sáng tạo nghệ thuật; đồng thời cũng có thể có những gợi ý cho quá trình bảo tồn vốn sử thi của các tộc người.

Từ khóa: sử thi; nghệ nhân; chuyên nghiệp; diễn xướng.

1. Quan niệm về nghệ nhân hát - kể¹ sử thi

Nghệ nhân hát - kể sử thi là những người lưu giữ, biểu diễn (diễn xướng), trao truyền sử thi bằng con đường truyền miệng từ thế hệ này qua thế hệ khác. Như vậy, người sưu tầm, nhà nghiên cứu muốn tiếp cận với văn bản (với tư cách là lời nói) thì phải tiếp xúc với nghệ nhân. Với lịch sử gần một thế kỉ sưu tầm và nghiên cứu sử thi ở Việt Nam (1927 - đến nay), nhiều phương diện của sử thi dân gian đã được đề cập nhưng vấn đề nghệ nhân hát - kể sử thi chưa được nghiên cứu một cách đầy đủ. Phần lớn những mô tả về nghệ nhân đều nằm trong chương mục viết về diễn xướng và đó là những tư liệu về đời sống, sinh hoạt, khả năng thuộc, hát - kể chứ chưa nghiên cứu chuyên biệt về vấn đề nghệ nhân như: nghệ thuật, kĩ thuật trình diễn, bản chất của quá trình diễn xướng, quá trình sáng tạo sử thi...

Nhiều nhà folklore học cho rằng nghệ nhân hát - kể sử thi không phải là chuyên nghiệp hoặc không xác

định tính chuyên nghiệp hay không chuyên nghiệp. Tác giả Đỗ Hồng Kỳ sau khi xác định các tiêu chí của một nghệ nhân kể *khan* đã đưa đến nhận định: “Hát kể *khan* không phải là một nghề, càng không phải là một hoạt động bán chuyên nghiệp hay chuyên nghiệp. Ai giỏi *khan* thì người ta yêu cầu” (Đỗ, 2008, 89).

Trong phần giới thiệu sử thi *Ama Chisa*, tác phẩm sử thi của người Raglai nằm trong kho tàng sử thi Tây Nguyên công bố giai đoạn 2005-2011, chúng tôi cũng đã có quan điểm tương tự: “Người diễn xướng cũng không phải chuyên nghiệp, mà phần lớn có tính chất gia truyền. Hầu hết họ không biết chữ, vậy mà điều kì lạ là từ thế hệ này sang thế hệ khác, từ đời này sang đời khác, những áng sử thi được lưu truyền trong dòng chảy văn hóa từ xa xưa cho đến bây giờ của cộng đồng Raglai” (Viện khoa học xã hội Việt Nam, 2007, 33).

* Tác giả liên hệ

Nguyễn Việt Hùng

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Email: viethungspnh@yahoo.com

¹Hát - kể là thuật ngữ kép, dùng để chỉ hình thức diễn xướng phổ biến của sử thi các dân tộc Tây Nguyên, GS Nguyễn Xuân Kính sử dụng thuật ngữ này lần đầu năm 2004.

Một mặt, việc nghiên cứu về nghệ nhân dân gian chủ yếu dựa trên quan điểm chính thống (của giới nghiên cứu bác học) “là dân gian cái gì không phải là chính thống” (H.Varagnac), để xem nghệ nhân là thuộc về dân gian, biểu diễn nghệ thuật mang tính chất nghiệp dư. Mặt khác, các nhà nghiên cứu sử dụng chủ yếu phương pháp so sánh đồng đại, đặt nghệ nhân hát - kể sử thi trong tương quan với các loại hình nghệ sĩ đương đại (của nhà nước, của các ngành nghề nghệ thuật), dưới góc độ xã hội - nghệ nghiệp để đi đến nhận định về tính không chuyên môn hóa của họ. Tuy nhiên nghệ nhân dân gian cần được xem xét dưới góc độ biện chứng lịch sử.

Thứ nhất, trong thời kỳ nguyên thủy, nhận thức của con người đồng dạng với hình thái xã hội, tôn giáo, tín ngưỡng và nghệ thuật của thời đại: đó là một đời sống mang tính nguyên hợp, tất cả tồn tại trong tổng thể chưa chia tách của nhiều yếu tố. Con người thời nguyên thủy tham gia nghệ thuật song song với các loại hình hoạt động khác, nghĩa là nghệ thuật vẫn còn là không chuyên môn hóa. Điều này quy định tất cả những đặc điểm riêng của sáng tác dân gian - đó là tính chất không chuyên môn hóa. Do đó, nghệ thuật của người nguyên thủy chưa biết đến sự phân biệt nghiệp dư hay chuyên nghiệp với tư cách một nghề nghiệp cụ thể.

Trong thực tế, tính chuyên nghiệp thể hiện ở cách thức người nghệ sĩ dân gian sáng tạo, biểu diễn tác phẩm. Qua việc nghiên cứu văn học dân gian Nga, Đav-lê-tốp đã nhận định về sự biểu hiện của tính chất chuyên nghiệp trong nghệ thuật dân gian: “Các yếu tố đầu tiên về chuyên môn hóa nghệ thuật đã nảy sinh ngay trong lòng các sáng tác dân gian: chuyên nghiệp hóa những người biểu diễn (việc xây dựng các xưởng biểu diễn khác nhau, xây dựng trường đào tạo người chơi *kôpza* (dụng cụ âm nhạc Uren, trò hề...) là điều báo trước đầu tiên về cái đó (Davletop, 1966, 63).

Về phương diện dân tộc - lịch sử, hầu hết các tộc người ở Tây Nguyên trước Cách mạng tháng Tám 1945 đều ở giai đoạn hậu kì chế độ công xã nguyên thủy. Do vậy, nghệ thuật dân gian là loại hình nghệ thuật duy nhất và các nghệ nhân là đại diện tiêu biểu cho các hình thái nghệ thuật đó với trách nhiệm sáng tạo, trình diễn và bảo lưu chúng qua các thế hệ. Nghệ nhân dân gian chính là người chuyên môn hóa đầu tiên công việc sáng tạo và biểu diễn nghệ thuật và tuy văn học dân gian là sáng tác của tập thể nhưng bản chất của tập thể đó là tập

hợp của những cá nhân tài năng, có khả năng nghệ thuật vượt qua số đông quần chúng còn lại. Những nghệ nhân kể chuyện, diễn kịch của thời Hi - La cổ đại; những anh hề mua vui trong các cuộc rượu, nói những lời bông đùa trong xã hội cổ đại Trung Hoa mà Trang Tử gọi là phương pháp sáng tác “chi ngôn”... cũng là cách thức nghệ thuật bác học nảy sinh và dần dần chiếm lĩnh, sử dụng các thủ pháp dân gian. Mối liên hệ cơ bản và đầu tiên giữa *dân gian* và *bác học*, giữa *chuyên nghiệp* và *không chuyên nghiệp* như vậy chỉ diễn ra trong lĩnh vực nghệ thuật dân gian.

Thứ hai, trong xã hội phong kiến, chúng ta có hai khái niệm: nghệ thuật *dân gian* (hay *bình dân*) và nghệ thuật *bác học*. Lúc này, vẫn chưa có khái niệm *ng nghiệp dư* hay *chuyên nghiệp*, bởi lẽ các nhà thơ, nhà văn sáng tác văn chương với mục đích hành chức, thực hiện chức năng chính trị, xã hội; dùng để nói chí, tỏ lòng; thơ được truyền tụng, ghi chép bởi người đương thời và đời sau; người thường thức do mền tài, trọng tình trong những không gian văn chương thanh tao nhất định. Người sáng tác văn chương không phải chuyên chú vào chuyện văn chương, không sống bằng việc viết văn và tác phẩm chưa phải là một loại hàng hóa. Hơn nữa, về bản chất, người nông dân không có quyền, và không có điều kiện để sử dụng các phương pháp sáng tác chuyên nghiệp, việc học chữ Hán và sáng tác văn chương bác học gần như là đặc quyền của tầng lớp trên, những gia đình giàu có. Do đó, sáng tác của nhân dân bắt buộc phải lựa chọn những hình thức và nghệ thuật mang tính không chuyên nghiệp của họ (những thể thơ dân gian vần vè, thơ lục bát, những sáng tác truyền miệng...).

Thứ ba, trong đời sống xã hội hiện đại, dưới góc độ xã hội nghề nghiệp, chúng ta có hai hệ thống: nghệ sĩ *chuyên nghiệp* và *ng nghiệp dư*. Trong “Từ điển Tiếng Việt”, việc định nghĩa hai từ này cũng gặp lúng túng ở chỗ, tác giả dùng khái niệm này để định nghĩa khái niệm kia:

- *Chuyên nghiệp*: Danh từ: dùng phụ cho 1 số tổ hợp chỉ nghề nghiệp chuyên môn; Động từ: chuyên làm một nghề, một việc nào đó; phân biệt với nghiệp dư (Hoàng, 1992, 197) .

- *Ng nghiệp dư*: Không chuyên nghiệp, không thuộc nghề nghiệp chính thức (Hoàng, 1992, 675)

Như vậy, hiểu nôm na, chuyên nghiệp là người chuyên làm một việc, một nghề nào đó, có thể sống

bằng công việc, nghề nghiệp đó, có thể thêm nữa, có cơ quan, tổ chức dành cho nghề nghiệp đó.

Nhưng nếu như vậy thì ranh giới giữa chuyên nghiệp và nghiệp dư (không chuyên nghiệp) là như thế nào? Những người như Thúy Hoàng, Thúy Cải trước đây hát trong hội làng thì là nghiệp dư, đến khi trở thành nghệ sĩ của Sở Văn hóa Thông tin tỉnh Bắc Ninh thì trở thành nghệ sĩ chuyên nghiệp, mặc dù các chị vẫn hát, trình diễn các bài quan họ như trước đây? Cách chúng ta quan niệm nghệ thuật, văn học dân gian là nghiệp dư hoàn toàn dựa trên quan điểm về người nghệ sĩ mà không chú ý đến bản chất xã hội đương thời và tính chất của công việc sáng tạo nghệ thuật. Bởi ngay cả những sản phẩm đơn giản nhất, ở những xã hội sơ khai nhất cũng luôn có những người nghệ sĩ, những tác giả chuyên nghiệp của chúng.

Hơn nữa, có một giai đoạn nhất định trong lịch sử chúng ta có khuynh hướng đưa nghệ thuật chuyên nghiệp thành quần chúng, quần chúng hóa các loại hình văn học nghệ thuật. Trước đó, hoạt động nghệ thuật chỉ có ở một số người ít ỏi, thì lúc này trở thành tài sản chung của cả cộng đồng. Điều này vô hình chung đã khiến cho những kiến thức chuyên môn và sự điều luyện nghề nghiệp trong nghệ thuật biểu diễn có phần giảm sút.

Đến ngày nay, chính những sáng tác không chuyên môn hóa của người bình dân có khi lại không đáp ứng được nhu cầu thẩm mỹ - của ngay chính bản thân họ. Bởi lẽ, bất cứ người dân thuộc tộc người nào, địa bàn cư trú nào cũng luôn hướng tới những thành tựu văn minh, tiến bộ, tức là hướng tới nghệ thuật có trình độ cao hơn, có tính chuyên nghiệp và uyên bác hơn và như vậy thì dẫn tới việc nghệ thuật không chuyên môn, nghệ thuật diễn xướng trong cộng đồng bị mai một.

2. Nghệ nhân hát - kể sử thi trong đời sống cộng đồng

Nghệ nhân hát kể sử thi thường không phải là một nghề, mà nghệ nhân trong các lĩnh vực văn học nghệ thuật cũng luôn là một bộ phận trong tổng thể nghi lễ, lịch tiết phục vụ đời sống lao động sản xuất và tín ngưỡng của các tộc người. Thông qua việc quan sát việc diễn xướng sử thi dân gian trong mối quan hệ với đời sống, nghi lễ của các tộc người chúng tôi thấy có hai kiểu nghệ nhân hát - kể sử thi cơ bản: những *nghệ nhân*

hát kể - tín ngưỡng ma thuật và những *nghệ nhân hát kể - ngoài tín ngưỡng ma thuật*.

2.1. Nghệ nhân hát kể - tín ngưỡng ma thuật

Nghệ nhân hát kể là người hát - kể sử thi phục vụ cho một nghi lễ tín ngưỡng nào đó. Tiêu biểu trong số đó có thể kể đến là các thầy mo - tộc người Mường.

Ông mo là người hành nghề mo, thực hiện nghi lễ mo trong đời sống sinh hoạt và tín ngưỡng của người Mường. Mo hội tụ trong đó nhiều loại hình nghệ thuật dân gian, nhiều nghi lễ, phong tục tập quán và phản ánh quan niệm về vũ trụ, đời sống và tín ngưỡng của tộc người. Ông mo cần hội tụ các yếu tố cơ bản: khả năng trình diễn nghệ thuật tổng hợp (hát, múa), có túi khốt (túi thiêng) và có tổ tiên bảo trợ trong lúc hành nghề (Bùi, 2004, 41). “Thường ngày, những người học mo cũng như những người đã trở thành ông Mo học mo và ôn luyện mo rất miệt mài... ông Mo thuộc về tầng lớp trí thức trong xã hội cổ truyền người Mường. Chính vì thế người Mường gọi ông Mo là Khang Cà (người sang trọng đứng đầu) (Bùi, 2004, 70). Trong đời sống tín ngưỡng, ông mo là người có thể thông linh thế giới thần linh và con người, là sợi dây liên hệ thực và ảo, nghi lễ và đời sống. Ông cũng là người trung gian giữa hai đẳng cấp cơ bản của người Mường là *lang* và *dân*. Quan trọng hơn tính trung gian đó, ông mo đóng vai trò là tầng lớp trí thức được trân trọng và yêu mến trong cộng đồng dân tộc.

Kiểu *nghệ nhân - nghi lễ ma thuật* ở Việt Nam cũng tương đồng với dạng thức nghệ nhân hát ma thuật của một số dân tộc trên thế giới. Trong bài viết: *Con người, trình diễn và sự tác động trong hát nghi lễ Kalevala* (Tạp chí Oral tradition, số 15.2), Anna-Leena Siikala đã dẫn lời của Gabriel Porthan từ Thế kỉ 18, viết về người trình diễn *Kalevala* cho lần đầu tiên xuất bản: “Những người ca sĩ ngồi cạnh hoặc đối diện nhau, họ nắm chặt lấy tay phải của nhau và đầu gối chạm vào người kế tiếp. Khi hát, cơ thể họ từ từ lắc lư đến nỗi như là đầu họ muốn chạm vào người ngồi bên, khuôn mặt họ rất trang nghiêm. Họ vừa hát vừa từ từ đứng dậy. Họ hát nhờ thần hứng và trong quá trình hát, tay họ vẫn gắn chặt với nhau. Họ trình diễn như thế trong những bộ trang phục theo phong tục truyền thống” (Nguyễn, 2008, 86).

Qua tư liệu miêu tả, chúng ta thấy nghệ nhân hát sử thi xuất hiện như một thầy shaman, một người làm phép lên đồng. Porthan cũng là người đầu tiên đưa ra hình

mẫu hát ma thuật. Hát ma thuật được mô tả như là hình thức trình diễn nghi lễ thể xác phức tạp của hai người nữ ca sĩ. Vai trò của hai nữ ca sĩ trình diễn được xem như một dấu hiệu rất quan trọng trong giá trị sử thi Kalevala. Đối với những học giả nghiên cứu sử thi anh hùng, sự tồn tại tự nhiên của hình thức trình diễn đó là đặc điểm, dấu hiệu quan trọng của thể loại.

Theo tư liệu về sử thi Tây Tạng, người nghệ nhân trình diễn sử thi ở đây cũng sử dụng các hình thức mang tính ma thuật như vậy: “Tác giả cũng lí giải tại sao người trình diễn lại ghi nhớ được tác phẩm sử thi dài như vậy. Ông cho rằng, yếu tố quan trọng nhất là từ những giấc mơ, cũng là đặc trưng trong nghệ thuật trình bày sử thi của người Tây Tạng... Điều quan trọng nhất với họ là sự tin tưởng vào thể giới tinh thần. Chính vì thế già làng Thrapa đã di chúc: sau khi ông chết, chôn ông lên trên đỉnh núi Balasehou để tinh thần ông quay trở lại thế giới... Và do đó việc sáng tạo hay kể một sử thi là quá trình lịch sử tự nhiên của tinh thần con người (Foley, 2002, 2).

Trong tài liệu của J.M. Foley, cũng đưa ra 4 ca sĩ hát sử thi mà ông đã từng nghiên cứu, trong đó ca sĩ người Tây Tạng, hát sử thi qua một tờ giấy trắng: “...khi ông hướng đôi mắt rất nhanh trên đó, câu chuyện về Vua Gesar hiện ra trong đầu óc và ông có thể sáng tạo câu chuyện một cách lưu loát... Nói cách khác, cái gọi là văn bản với chúng ta là một thứ bùa với ông ấy, một biểu tượng của phương tiện hát kể của ông ấy. Không có cách nào để mã hóa cặn kẽ đó hoặc tái hiện câu chuyện mà ông ta kể; không có cách nào để hiểu sự uể oải trong cách trình diễn truyền miệng. Sau đó, kết thúc thí nghiệm, một sự thật không mong muốn diễn ra: bất chấp những giả định ban đầu của chúng ta: Graps-pa-seng-ge là một nhà thơ truyền miệng (Foley, 2002, 2).

Qua việc xem xét các nghệ nhân với tư cách là những nhà ma thuật – thầy cúng, chúng ta thấy rằng, vai trò của sử thi trong giai đoạn khởi thủy chính là những bản tụng ca mang tính trang nghiêm của các cộng đồng nguyên thủy. Mối liên hệ giữa nhân vật anh hùng và thần linh trong tác phẩm không chỉ thể hiện như là những phương diện nghệ thuật của thể loại mà đó còn là những nhận thức, niềm tin của chính bản thân những người đang trình diễn tác phẩm. Do đó, loại hình nghệ nhân cũng phải được xem xét như là một đặc trưng của thể loại, hay chí ít cũng tham gia vào việc phân loại hệ

thống tác phẩm dựa trên đặc trưng diễn xướng của chúng. Và đây cũng chính là những nghệ nhân chuyên nghiệp thực thụ trong lĩnh vực biểu diễn, trình diễn loại hình nghệ thuật dân gian mang tính chất nghi lễ, ma thuật mà có lẽ càng tiến gần đến thời kì hiện đại, tính “chuyên nghiệp” đó càng dần mất đi và trở nên xa lạ với nhận thức của chúng ta.

2.2. Nghệ nhân hát kể - ngoài tín ngưỡng ma thuật

2.2.1. Người nghệ sĩ, ca sĩ của cộng đồng

Các nghệ nhân hát - kể sử thi ở các tộc người Tây Nguyên và Nam Trung Bộ hầu hết thuộc loại hình này. Họ là những người dân lao động bình thường, không làm các nghề nghiệp có liên quan đến tín ngưỡng, ma thuật trong cộng đồng. Đó chỉ là những người có trí nhớ và khả năng hát - kể, biểu diễn tác phẩm sử thi, truyện hát dân gian.

Nhà nghiên cứu Đỗ Hồng Kỳ xác định những đặc điểm cơ bản của một nghệ nhân kể khan, người Ê Đê như sau: “Nghệ nhân khan là người có trí nhớ đặc biệt. Đồng bào cho rằng những người thuộc nhiều khan là do thần linh ban cho (yang brei). Ai tài giỏi về klei khan thì người Ê Đê gọi là pô khan. Nghệ nhân pô khan có đủ các khả năng sau: 1. Thuộc hoàn chỉnh nhiều cốt truyện khan, không lẫn lộn các sự kiện, hành động, biến cố cốt truyện này với sự kiện, hành động, biến cố của các cốt truyện khác; 2. Ngoài những lời *duê* (lời nói vần) có sẵn được dùng làm khuôn mẫu, người kể khan còn phải biết vận dụng thêm những câu *duê* mới để làm phong phú hơn, hay hơn điều đang nói, nhưng chúng không được xa rời đối tượng cần thể hiện; 3. Người hát kể phải có giọng truyền cảm, biểu đạt đúng các sắc thái của truyện kể” (Đỗ, 2008, 89).

Như vậy, *pô khan* không phải là một nghề theo tiêu chí nghề nghiệp của thời đại chúng ta, với đặc thù của xã hội Ê Đê cũng không phải là một nghề. Nghệ nhân kể *khan* thực hiện việc trình diễn tác phẩm cũng không theo một lễ thức hay lịch tiết nhất định mà hết sức tự do, tùy hứng. Thường là họ đáp ứng nhu cầu thưởng thức của dân làng, nhưng cũng có khi chỉ đơn giản là hát trong lúc rảnh rỗi, khi lao động, để thỏa mãn nhu cầu tinh thần của bản thân mình.

Người nghệ nhân là những trí thức bản tộc, là người nắm vững những tri thức dân gian của tộc người, được dân làng hết sức kính trọng. Họ là những đại diện ưu tú, là “đầu khôn người già”, là những pho sử thi sống mà

những câu chuyện về tổ tiên, về các anh hùng cứu quốc chảy trong lời hát của họ hết đêm này qua đêm khác.

2.2.2. Người kế thừa của dòng họ

Có một điểm giống nhau giữa hai loại hình nghệ nhân hát kể - sử thi (tín ngưỡng và ngoài tín ngưỡng) là sự kế thừa của dòng họ, mang tính chất gia truyền. Nếu như các thầy mo, thầy cúng, ngoài tài năng khác thường, cần có yếu tố bảo trợ quan trọng cho năng lực khác thường (thông linh giữa thế giới hồn và người) là sự kế thừa của dòng họ thì với các nghệ nhân ngoài tín ngưỡng ma thuật, dòng họ hay gia đình là cái nôi nuôi dưỡng tài năng nghệ thuật và là môi trường để trao truyền vốn tài sản truyền miệng dân gian. Bởi với một dung lượng lớn lao câu chữ, cùng với những biểu tượng truyền thống mang đậm bản sắc tộc người, tác phẩm sử thi dân gian không dễ dàng gì được hiểu - được cảm nhận đối với những người xa lạ với truyền thống ấy.

Cho nên, chính trong những bối cảnh diễn xướng của sử thi như thế càng chứng tỏ tính chọn lọc theo hướng chuyên môn hóa cả người diễn xướng và khán giả của thể loại này.

Bài giới thiệu của Zhambei Gyaltsho về *Người hát sử thi Tây Tạng* khá chi tiết với nhiều thông tin bổ ích. Tác giả nhận thấy sử thi dân gian Tây Tạng cũng được phát hiện thông qua hai con đường: Qua lời hát truyền miệng và qua những văn bản chép tay hay bản khắc gỗ. Điều khác biệt phổ biến và quan trọng là mỗi người hát đều cố gắng lưu giữ truyền thống. Đặc biệt người hát kể và người nghe đều được giáo dục những luật lệ quan trọng: Họ ngay lập tức sáng tạo, phổ biến và truyền bá sử thi. Một trong những yếu tố quan trọng để giữ gìn truyền thống sử thi là gia đình. Ông lí giải rằng “vì hầu hết họ không được học hành, nên giáo dục gia đình là yếu tố hàng đầu” (Nguyễn, 2008, 81).

2.2.3. Người trí thức bản tộc

Chúng ta vẫn thường nhắc đến một định nghĩa có tính khái quát: văn học dân gian là sáng tác của tập thể nhân dân lao động. Nhận định chung đó mang tính chủ quan, cảm tính vì trên thực tế, hầu hết các thể loại văn học dân gian đều được hình thành và kết tinh thông qua một tập thể những cá nhân ưu tú. Tình hình của sử thi càng rõ nét.

Số người biết hát, thuộc tác phẩm sử thi trong các tộc người là hết sức ít ỏi và ngày càng mất dần vì thiếu người kế thừa. Chính những nhà nghiên cứu thế giới đã

nhận ra sự cô đơn của những nghệ nhân hát sử thi, những người rất khó tìm thấy những người hiểu, thưởng thức và kế thừa tác phẩm của mình.

Nghệ nhân sử thi là người am hiểu về nghệ thuật truyền thống của dân tộc, có khả năng vận dụng chúng trong việc sáng tạo và diễn xướng tác phẩm sử thi. Nghệ nhân Điều Kâu đã dịch hầu hết sử thi Mơ Nông. Ông tự học, tự tìm tòi cách thức dịch từng câu, từng chữ Mơ Nông ra tiếng phổ thông. Những bộ ca dao, tục ngữ, câu nói vắn... cho đến từ điển của người Mơ Nông cũng là sự tập hợp, lưu giữ và biên soạn của ông, phục vụ cho quá trình biên dịch sử thi. Tất cả những sản phẩm tinh thần quý báu đó là lao động nghệ thuật say mê của nghệ nhân và từ đó xác định vị trí trí thức bản tộc hàng đầu của ông trong cộng đồng người Mơ Nông.

3. Kết luận

Qua việc xem xét nghệ nhân hát kể sử thi trong mối quan hệ xã hội - nghề nghiệp, hình thức diễn xướng, sinh hoạt tín ngưỡng, chúng tôi nhận thấy họ không phải là những người hoạt động nghệ thuật chuyên nghiệp. Điều này khác với biểu diễn một số loại hình dân ca, sân khấu chèo, khi các buổi biểu diễn mang tính chất văn nghệ, được gọi là diễn xướng văn học dân gian, thì người biểu diễn có thể là nghệ sĩ chuyên nghiệp hoặc bán chuyên nghiệp trong các đoàn nghệ thuật. Nghệ nhân hát - kể sử thi là người của cộng đồng, có khả năng nhớ, thuộc một số lượng lớn tác phẩm sử thi (hoặc một vài tác phẩm đồ sộ), gọi là vốn tiết mục nhất định, và số lượng có thể co giãn, thay đổi theo thời gian. Nghệ nhân không chỉ là người trình diễn mà còn tham gia chủ yếu vào quá trình sáng tạo tác phẩm, thể hiện bằng cách có thể kéo dài hay rút ngắn các khúc ca sử thi tùy thuộc vào xúc cảm thâm mĩ của cá nhân và những hoàn cảnh trình diễn khác nhau, và những lần hát - kể khác nhau đem đến các dị bản. Việc diễn xướng sử thi phần lớn đáp ứng những chức năng thực hành sinh hoạt, tín ngưỡng dân gian của cộng đồng, kế thừa vốn văn hóa, văn nghệ của cộng đồng, gia tộc. Tuy họ không hoạt động với tư cách một nghề nghiệp chuyên nghiệp nhưng hình thức diễn xướng sử thi mang tính chuyên môn rất cao, chuyên biệt về biểu diễn, họ thuộc về số ít những người có thể sáng tạo - biểu diễn - bảo tồn tác phẩm sử thi của cộng đồng “Người trình diễn dân gian là nghệ sĩ chuyên nghiệp biểu diễn một loại hình nghệ thuật nghiệp dư” (Davletop, 1966, 59). Từ đó, chúng tôi cũng

suy nghĩ về vấn đề bảo tồn loại hình sử thi phải thực hiện trước hết và quan trọng nhất ở những nghệ nhân - yếu tố con người. Nhưng vì tính chất đặc biệt, chuyên môn hóa cao của cách thức biểu diễn nên không thể tiến hành theo hình thức quần chúng đại trà mà phải chú ý bồi dưỡng, truyền dạy cho những con người cụ thể, trong những cộng đồng, gia tộc truyền thống nhất định.

Tài liệu tham khảo

Bùi, K. P. (2004). *Nghi lễ Mo trong đời sống tinh thần của người Mường*. Khoa học Xã hội.
Davletop, K. C. (1966). *Sáng tác dân gian - Một loại hình nghệ thuật* (Hoàng Lộc, Trans.). Khoa học Maxkva.

Đỗ, H. K. (2008). *Văn học dân gian Ê đê, Mơ Nông*. Khoa học Xã hội.

Foley, J. M. (2002). *How to Read an Oral Poem*. University of Illinois Press.

Hoàng, P. (Ed.). (1992). *Từ điển tiếng Việt*. Đà Nẵng.

Nguyễn, V. H. (2008). Tổng thuật tình hình sưu tầm, nghiên cứu, giới thiệu sử thi trên tạp chí truyền thống truyền miệng (Oral tradition) 1986 - 2007. *Tạp chí Nguồn sáng Dân gian*, 4, 75-90.

Viện Khoa học Xã hội Việt Nam. (2007). *Kho tàng sử thi Tây Nguyên: Amã Chisa, Amã Cuvau Vongcoi*. Khoa học Xã hội.

ARTISTS CHANTING - NARRATING EPIC POEMS: ARE THEY PROFESSIONAL OR NON-PROFESSIONAL?

Nguyen Viet Hung

Hanoi National University of Education

Abstract: Homer's creative works Iliad, Odyssey have undergone a history of thousands of years, but the Homeric issues have never ceased to be new to generations of researchers. There still remain unanswered questions: Was Homer a professional writer or a folk artist? Did his epic compositions belong to the written or oral literary genre? Were Homer's poems the works of a single poet or of many contributors? We refer to Homer as an artist, a collector and compiler of Greek epics in relation to the type of epic artists in Vietnam. A study of the artists chanting-narrating epic poems from various perspectives: society - profession (professional or amateur?), mode of artistic creation (folk or scholarly?), the relationship between performance and context (ritualistic or non-ritualistic?)... will clarify the characteristics of the artists chanting - narrating epic poems and the nature of the artistic creation process, and probably put forward suggestions for the preservation of the epic repertoire of ethnic groups.

Key words: epic; artist; professionalism; performance.